

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu  
của ngành Xây dựng, giai đoạn 2014 - 2020**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 30/08/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng giai đoạn 2014-2020 (kèm theo Phụ lục Danh mục các nhiệm vụ ưu tiên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2014-2020 của Bộ Xây dựng).

**Điều 2.** Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng có trách nhiệm tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng CTMTQGUP với BDKH;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Website Bộ Xây dựng;
- Lưu VT, KHCN (5b).



**BỘ TRƯỞNG**

**Trịnh Đình Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số: 392/SY-UBND

*Bình Định, ngày 12 tháng 3 năm 2014*

**Nơi nhận:**

- Các Sở: XD, TNMT, NN&PTNT;
- Lãnh đạo VP, K4, K14;
- Lưu: VT (11b).

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG**



**Nguyễn Đức Thi**



**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  
CỦA NGÀNH XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2014-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ-BXD ngày 04 tháng 3 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**1. MỤC TIÊU**

**1.1. Mục tiêu chung**

Tăng cường khả năng ứng phó của ngành xây dựng đối với thiên tai, biến đổi khí hậu; sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm nhẹ biến đổi khí hậu; phát triển ngành xây dựng theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

1.2.1. Đánh giá và dự báo được những tác động có thể của biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng (NBD) đối với ngành xây dựng qua các thời kỳ khác nhau của thế kỷ XXI, làm cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp ứng phó và giảm nhẹ tác động của BĐKH và NBD đối với ngành Xây dựng.

1.2.2. Nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH của ngành qua các thời kỳ, đảm bảo tính an toàn và ổn định cho công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn với chi phí hợp lý.

1.2.3. Giảm tiêu hao năng lượng, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính trong các hoạt động của ngành, đặc biệt trong sản xuất vật liệu xây dựng; đẩy mạnh phát triển công trình xanh, đô thị xanh, góp phần giảm nhẹ BĐKH, phát triển bền vững.

**2. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

**2.1. Đánh giá và dự báo những tác động của BĐKH và NBD đối với ngành Xây dựng trong thế kỷ XXI.**

2.1.1. Cập nhật các kịch bản BĐKH và NBD cho Việt Nam do Bộ Tài Nguyên và Môi trường thực hiện, trên cơ sở đó xác định và bổ sung những kịch bản BĐKH cho ngành Xây dựng, cho các vùng khí hậu xây dựng khác nhau theo hai giai đoạn: a) ngắn hạn đến năm 2030; b) dài hạn từ 2030 đến 2100.

2.1.2. Dự báo sự phát triển của ngành Xây dựng đến năm 2030 và mở rộng tới cuối thế kỷ XXI, làm rõ những đối tượng chịu tác động của BĐKH và NBD trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng, quy hoạch và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; nhà ở và công sở, vật liệu xây dựng; phát triển của khoa học và công nghệ xây dựng.

2.1.3. Điều tra, khảo sát về mức độ ảnh hưởng của khí tượng và BĐKH đến các đối tượng khác nhau của ngành Xây dựng tại các vùng, miền của nước ta, đặc biệt chú ý tới các vùng thấp ven biển và đồng bằng sông Cửu Long.

2.1.4. Đánh giá những tác động tiềm tàng của BĐKH và NBD trong thế kỷ XXI đến các lĩnh vực khác nhau của ngành: (i) Đầu tư xây dựng; (ii) Quy hoạch và phát triển đô thị; (iii) Hạ tầng kỹ thuật đô thị và điểm dân cư nông thôn; (iv) Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu kinh tế; (v) Nhà ở, công sở và các công trình hạ tầng xã hội; (vi) Vật liệu xây dựng; (vii) Môi trường ngành xây dựng.

## **2.2. Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng có liên quan đến BĐKH và NBD.**

2.2.1. Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản pháp luật, các hướng dẫn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; quy hoạch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật; đầu tư xây dựng nhà ở, công sở và các công trình hạ tầng xã hội; vật liệu xây dựng có tính đến các tác động của BĐKH và NBD.

2.2.2. Điều chỉnh, bổ sung các nội dung về ứng phó với BĐKH và NBD trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đô thị và điểm dân cư nông thôn; thiết kế, xây dựng công trình nhà ở, công sở và công trình hạ tầng xã hội dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu. Tập trung đối với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về số liệu khí hậu thủy văn, dữ liệu bản đồ ngập lụt với tỷ lệ thích hợp cho công tác quy hoạch xây dựng; về tải trọng và tác động; về cấp thoát nước trong và ngoài công trình; về công trình xử lý nước thải, chất thải rắn.

2.2.3. Nghiên cứu và xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng nhằm ứng phó và giảm thiểu các tác động của BĐKH & NBD. Cụ thể là các tiêu chuẩn về thiết kế và xây dựng các “Công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”, “công trình xanh”, “đô thị xanh, đô thị sinh thái”; các vật liệu và sản phẩm xây dựng xanh (tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và giảm thiểu ô nhiễm).

## **2.3. Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp ứng phó với BĐKH và NBD của ngành Xây dựng.**

2.3.1. Rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị, điểm dân cư nông thôn, khu công nghiệp, khu kinh tế trên các vùng ven biển, vùng đồng bằng thấp gần biển chịu ảnh hưởng của nước biển dâng và thiên tai (bão, lũ lụt, trượt lở đất). Định hướng các giải pháp ứng phó chủ đạo (bảo vệ, thích ứng, rút lui) đối với các tác động của NBD.

2.3.2. Nghiên cứu các giải pháp ứng phó có hiệu quả đối với BĐKH và NBD trong công tác cải tạo, xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật đô thị, điểm dân cư nông thôn và khu công nghiệp (hệ thống cấp thoát nước, giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng, hệ thống thu gom và xử lý rác thải), nhất là các đô thị nằm ở các vùng thấp ven biển thường bị ngập úng, các vùng có xu hướng gia tăng khô hạn, xâm nhập mặn.

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  
CỦA NGÀNH XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2014-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ-BXD ngày 04 tháng 3 năm 2014  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**1. MỤC TIÊU****1.1. Mục tiêu chung**

Tăng cường khả năng ứng phó của ngành xây dựng đối với thiên tai, biến đổi khí hậu; sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm nhẹ biến đổi khí hậu; phát triển ngành xây dựng theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

1.2.1. Đánh giá và dự báo được những tác động có thể của biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng (NBD) đối với ngành xây dựng qua các thời kỳ khác nhau của thế kỷ XXI, làm cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp ứng phó và giảm nhẹ tác động của BĐKH và NBD đối với ngành Xây dựng.

1.2.2. Nâng cao năng lực ứng phó với BĐKH của ngành qua các thời kỳ, đảm bảo tính an toàn và ổn định cho công trình xây dựng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn với chi phí hợp lý.

1.2.3. Giảm tiêu hao năng lượng, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính trong các hoạt động của ngành, đặc biệt trong sản xuất vật liệu xây dựng; đẩy mạnh phát triển công trình xanh, đô thị xanh, góp phần giảm nhẹ BĐKH, phát triển bền vững.

**2. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG****2.1. Đánh giá và dự báo những tác động của BĐKH và NBD đối với ngành Xây dựng trong thế kỷ XXI.**

2.1.1. Cập nhật các kịch bản BĐKH và NBD cho Việt Nam do Bộ Tài Nguyên và Môi trường thực hiện, trên cơ sở đó xác định và bổ sung những kịch bản BĐKH cho ngành Xây dựng, cho các vùng khí hậu xây dựng khác nhau theo hai giai đoạn: a) ngắn hạn đến năm 2030; b) dài hạn từ 2030 đến 2100.

2.1.2. Dự báo sự phát triển của ngành Xây dựng đến năm 2030 và mở rộng tới cuối thế kỷ XXI, làm rõ những đối tượng chịu tác động của BĐKH và NBD trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng, quy hoạch và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; nhà ở và công sở, vật liệu xây dựng; phát triển của khoa học và công nghệ xây dựng.

2.1.3. Điều tra, khảo sát về mức độ ảnh hưởng của khí tượng và BĐKH đến các đối tượng khác nhau của ngành Xây dựng tại các vùng, miền của nước ta, đặc biệt chú ý tới các vùng thấp ven biển và đồng bằng sông Cửu Long.

2.1.4. Đánh giá những tác động tiềm tàng của BĐKH và NBD trong thế kỷ XXI đến các lĩnh vực khác nhau của ngành: (i) Đầu tư xây dựng; (ii) Quy hoạch và phát triển đô thị; (iii) Hạ tầng kỹ thuật đô thị và điểm dân cư nông thôn; (iv) Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu kinh tế; (v) Nhà ở, công sở và các công trình hạ tầng xã hội; (vi) Vật liệu xây dựng; (vii) Môi trường ngành xây dựng.

## **2.2. Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng có liên quan đến BĐKH và NBD.**

2.2.1. Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các văn bản pháp luật, các hướng dẫn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; quy hoạch và xây dựng hạ tầng kỹ thuật; đầu tư xây dựng nhà ở, công sở và các công trình hạ tầng xã hội; vật liệu xây dựng có tính đến các tác động của BĐKH và NBD.

2.2.2. Điều chỉnh, bổ sung các nội dung về ứng phó với BĐKH và NBD trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đô thị và điểm dân cư nông thôn; thiết kế, xây dựng công trình nhà ở, công sở và công trình hạ tầng xã hội dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu. Tập trung đối với các quy chuẩn, tiêu chuẩn về số liệu khí hậu thủy văn, dữ liệu bản đồ ngập lụt với tỷ lệ thích hợp cho công tác quy hoạch xây dựng; về tải trọng và tác động; về cấp thoát nước trong và ngoài công trình; về công trình xử lý nước thải, chất thải rắn.

2.2.3. Nghiên cứu và xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng nhằm ứng phó và giảm thiểu các tác động của BĐKH & NBD. Cụ thể là các tiêu chuẩn về thiết kế và xây dựng các “Công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”, “công trình xanh”, “đô thị xanh, đô thị sinh thái”; các vật liệu và sản phẩm xây dựng xanh (tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và giảm thiểu ô nhiễm).

## **2.3. Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp ứng phó với BĐKH và NBD của ngành Xây dựng.**

2.3.1. Rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị, điểm dân cư nông thôn, khu công nghiệp, khu kinh tế trên các vùng ven biển, vùng đồng bằng thấp gần biển chịu ảnh hưởng của nước biển dâng và thiên tai (bão, lũ lụt, trượt lở đất). Định hướng các giải pháp ứng phó chủ đạo (bảo vệ, thích ứng, rút lui) đối với các tác động của NBD.

2.3.2. Nghiên cứu các giải pháp ứng phó có hiệu quả đối với BĐKH và NBD trong công tác cải tạo, xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật đô thị, điểm dân cư nông thôn và khu công nghiệp (hệ thống cấp thoát nước, giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng, hệ thống thu gom và xử lý rác thải), nhất là các đô thị nằm ở các vùng thấp ven biển thường bị ngập úng, các vùng có xu hướng gia tăng khô hạn, xâm nhập mặn.

2.3.3. Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp mới trong thiết kế và xây dựng công trình nhằm giảm thiểu các tác hại của gió bão, tổ lốc, lũ lụt, trượt lở đất, đặc biệt trên các khu vực chịu ảnh hưởng thường xuyên của thiên tai như các tỉnh ven biển miền Trung; tập trung nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp kỹ thuật phù hợp với nhà ở khu vực nông thôn, nhà ở cho người nghèo.

#### **2.4. Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp giảm nhẹ BDKH trong ngành Xây dựng**

2.4.1. Tiến hành kiểm kê khí gây hiệu ứng nhà kính trong các lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng như sản xuất xi măng, sản xuất gạch, ngói, tấm lợp; tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới nhằm giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính thông qua giảm mức tiêu hao nhiên liệu, giảm hoặc thay thế các loại nhiên liệu hóa thạch đang dùng trong quá trình sản xuất.

2.4.2. Kiểm toán, đánh giá mức tiêu hao năng lượng, sử dụng nguồn nước trong các công trình xây dựng bao gồm nhà ở, công sở, công trình công cộng, thương mại, dịch vụ; nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp thiết kế và xây dựng mới, cải tạo các công trình nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đặc biệt đối với các công trình trọng điểm đã được liệt kê trong danh mục do Thủ tướng quyết định.

2.4.3. Nghiên cứu xây dựng và triển khai chiến lược phát triển công trình xanh, hướng tới một nền xây dựng bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; thí điểm xây dựng mô hình khu đô thị xanh, công trình xanh.

2.4.4. Xây dựng các chính sách ưu tiên, hỗ trợ phát triển, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo; chuyển đổi nguyên, nhiên vật liệu đầu vào theo hướng "các-bon thấp" trong sản xuất vật liệu và xây dựng công trình.

2.4.5. Nâng cao năng lực quản lý chất thải, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải nhằm giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiệu quả để xử lý nước thải, rác thải cho các đô thị và điểm dân cư nông thôn.

### **3. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

#### **3.1. Về cơ chế, chính sách**

3.1.1. Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai đồng bộ các hoạt động ứng phó với BDKH và NBD trong ngành Xây dựng.

3.1.2. Đề xuất và triển khai các cơ chế chính sách nhằm xã hội hóa, đa dạng hoá, thu hút nguồn lực đến từ trong và ngoài nước để triển khai có hiệu quả hoạt động của ngành nhằm ứng phó với BDKH và NBD.

3.1.3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ việc triển khai nhiệm vụ ứng phó với BDKH và NBD của ngành.

## **3.2. Về khoa học và công nghệ**

3.2.1. Xây dựng kế hoạch và triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có liên quan tới công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về BĐKH và NBD (số liệu khí tượng thủy văn, bản đồ ngập lụt theo các kịch bản đã công bố) dùng trong xây dựng, dự báo và đánh giá tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu đến công trình xây dựng, làm cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp ứng phó của ngành; các giải pháp kỹ thuật phòng và giảm nhẹ tác động của thiên tai, ứng phó với BĐKH và NBD;

3.2.2. Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch tăng trưởng xanh của ngành xây dựng. Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất vật liệu xanh, xây dựng công trình xanh, đô thị xanh, đô thị sinh thái, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta.

3.2.3. Nghiên cứu các công cụ lồng ghép, tích hợp các yếu tố BĐKH trong quá trình xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành xây dựng.

3.2.4. Áp dụng công nghệ thông tin, ứng dụng có hiệu quả hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ ứng phó với BĐKH và NBD và kiểm kê khí gây hiệu ứng nhà kính trong ngành xây dựng.

## **3.3. Về hợp tác quốc tế**

3.3.1. Xây dựng kế hoạch thu hút các nguồn tài trợ, tiếp nhận và triển khai có hiệu quả các nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế cho các hoạt động giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH và NBD của ngành Xây dựng.

3.3.2. Tăng cường hợp tác, kết nối với các chương trình quốc tế và khu vực, trao đổi thông tin, thiết lập mạng lưới đối tác song phương và đa phương về BĐKH và NBD liên quan đến ngành Xây dựng;

3.3.3. Học tập kinh nghiệm quốc tế về các biện pháp và công nghệ giảm thiểu và thích ứng với BĐKH và NBD của ngành Xây dựng.

## **3.4. Về tài chính**

3.4.1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia được ưu tiên sử dụng trong việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách trong bối cảnh BĐKH và NBD; điều tra, khảo sát, đánh giá tác động của BĐKH; tăng cường năng lực, tuyên truyền nâng cao nhận thức; đề xuất các giải pháp xây dựng nhằm ứng phó với BĐKH và NBD, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, hỗ trợ triển khai thí điểm một số dự án, mô hình trong ngành Xây dựng.

3.4.2. Nguồn vốn ngân sách cho hoạt động khoa học và công nghệ được bố trí một phần để hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) liên quan tới ứng phó với BĐKH của ngành Xây dựng. Các nguồn vốn sự nghiệp kinh tế được bố trí để thực hiện các nhiệm vụ điều tra, điều chỉnh quy hoạch xây dựng.



3.4.3. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân, các tổ chức quốc tế thông qua các hoạt động hợp tác song phương, đa phương nhằm hỗ trợ triển khai thực hiện các nhiệm vụ ứng phó với BĐKH của ngành Xây dựng.

### **3.5. Về công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức; đào tạo nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực**

3.5.1. Phổ biến, tuyên truyền và quán triệt chủ trương, quan điểm của Đảng và Chính phủ và của ngành xây dựng cho cán bộ, công chức trong ngành về hoạt động nhằm ứng phó với BĐKH;

3.5.2. Thiết lập hệ thống thông tin, trang Web về BĐKH của ngành từ Bộ đến các địa phương, doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin, dự báo các vấn đề liên quan đến BĐKH và định hướng thực hiện các giải pháp giảm nhẹ và thích ứng;

3.5.3. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về BĐKH, tác động và các giải pháp giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH cho cán bộ, công chức, viên chức của ngành.

3.5.4. Tăng cường và đa dạng hoá các loại hình đào tạo, nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân trong ngành Xây dựng.

3.5.5. Đầu tư có chọn lọc các trang thiết bị đo lường, quan trắc kiểm tra và kiểm soát khí thải có liên quan tới BĐKH cho một số đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

## **4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

4.1. Các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng; các doanh nghiệp thuộc ngành Xây dựng; Sở Xây dựng các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Kế hoạch hành động này, có trách nhiệm tổ chức xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch.

4.2. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng tổng hợp, trình lãnh đạo Bộ phê duyệt kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ ứng phó với BĐKH; đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ; kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ, dự án về ứng phó với BĐKH của Bộ Xây dựng.

4.3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị chủ động báo cáo Bộ trưởng xem xét quyết định.

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN NHẪM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2014-2020 CỦA BỘ XÂY DỰNG

(kèm theo Quyết định số 209 / BXD ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (tỷ đồng)
NVI	Soát xét, bổ sung hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng các quy định, hướng dẫn của Bộ có liên quan đến BDKH và NBD					
1.1	Soát xét các quy chuẩn (QC), tiêu chuẩn (TC) xây dựng, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng công trình ở vùng thường xuyên bị thiên tai. (Vụ KHCN&MT)****	Có quy chuẩn và hướng dẫn sử dụng được cập nhật	- Rà soát, hiệu chỉnh các QC&TC xây dựng cho các vùng thường xuyên bị thiên tai; - Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng công trình phù hợp với các vùng đã nêu.	2014 2015	- Viện KHCN XD(**) - Hội MTXD VN	1,0 <sup>(*)</sup>
1.2	Soát xét các quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch xây dựng, các công trình hạ tầng kỹ thuật dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu. Tập trung vào việc cập nhật và soát xét các quy chuẩn xây dựng liên quan đến số liệu, bản đồ khí hậu, khí tượng thủy văn, ngập lụt. (Vụ KHCN&MT, Cục HTKT, Vụ QHKT)	Số liệu và bản đồ khí hậu, khí tượng thủy văn, ngập lụt dùng trong xây dựng, phù hợp với kịch bản BDKH	- Cập nhật số liệu và bản đồ khí hậu, thủy văn, ngập lụt (phần vùng khí hậu, gió, mưa, lũ lụt...) trong Quy chuẩn về số liệu điều kiện tự nhiên; - Soát xét các quy chuẩn quy hoạch xây dựng, các công trình hạ tầng kỹ thuật dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu.	2014 2016	- Viện QH đô thị, nông thôn QG. - Viện KHCN XD - Hội MTXD VN	4,0 <sup>(*)</sup>
1.3	Soát xét các tiêu chuẩn xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng và công nghiệp có tính đến tác động của BDKH và NBD, phù hợp với kịch bản BDKH và NBD. (Vụ KHCN&MT)	Tiêu chuẩn xây dựng phù hợp với diễn biến mới của BDKH và NBD	- Soát xét các tiêu chuẩn xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, xử lý rác thải..., các công trình nhà ở và công trình công cộng).	2014 2016	- Viện KHCN XD - Hội MTXD VN	3,0 <sup>(*)</sup>
1.4	Soát xét và bổ sung các tiêu chuẩn xây dựng liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, công trình xanh, đô thị xanh. (Vụ KHCN&MT)	Sử dụng năng lượng hiệu quả; phát triển công trình xanh, đô thị xanh góp phần giảm phát thải khí nhà kính	- Các tiêu chuẩn xây dựng, hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến tiết kiệm năng lượng, phát triển công trình xanh, đô thị xanh;	2014 2016	- Hội MTXD VN - Viện KHCN XD - Viện Kiến trúc QG	3,0

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (tỷ đồng)
1.5	Rà soát, điều chỉnh các văn bản quy pháp luật của ngành XD, lồng ghép các yếu tố BDKH và NBD trong hoạt động xây dựng.  (Văn phòng BXD)	Các văn bản QPPL phù hợp với diễn biến mới của BDKH và NBD.	- Rà soát lại các văn bản, quy định, hướng dẫn của Bộ có tính đến yếu tố BDKH và NBD; - Nghiên cứu lồng ghép các vấn đề BDKH vào kế hoạch của Bộ	2013 2015	- Vụ PC - Các đơn vị có liên quan;	2,0
<b>NV2</b>	<b>Nghiên cứu các giải pháp ứng phó với BDKH của ngành xây dựng</b>					
2.1	Nghiên cứu, điều chỉnh quy hoạch phát triển đô thị, các điểm dân cư nông thôn ứng phó với BDKH và NBD (Tập trung các vùng ven biển miền Trung, Nam Bộ, đồng bằng sông Hồng).  (Cục PTĐT)	Các đô thị và khu dân cư nông thôn thích ứng với BDKH và NBD	- Điều chỉnh các quy hoạch phát triển đô thị, các điểm dân cư nông thôn.	2014 2020	- Viện QH ĐT&NT QG; - Viện QHXD MN; - Sở XD các địa phương.	50,0
2.2	Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch xây dựng các vùng liên tỉnh, khu kinh tế (KT), khu công nghệ cao (CNC), khu chức năng đặc thù... trong điều kiện BDKH và NBD  (Vụ Quy hoạch Kiến trúc)	Các khu CN, khu kinh tế, khu CNC, khu chức năng đặc thù... thích ứng với BDKH và NBD	- Quy hoạch các vùng liên tỉnh, các khu KT, CNC, khu chức năng đặc thù... được điều chỉnh, phù hợp với điều kiện BDKH và NBD.	2014 2020	- Viện QH ĐT-NT QG; - Phân Viện QH MN; - Sở XD các địa phương.	30,0
2.3	Nghiên cứu các giải pháp hiệu quả ứng phó với ứng ngập do mưa lớn, triều cường và nước biển dâng đối với hạ tầng kỹ thuật các đô thị ven biển miền Trung, Nam Bộ; chống lũ quét và sạt lở đất ở các đô thị vùng núi.  (Cục HTKT)	Phòng chống hiệu quả với ứng ngập, lũ quét, sạt lở đất	- Hướng dẫn các giải pháp kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (san nền, thoát nước, hồ điều hòa, đê bao...).	2013 2016	- Viện QH ĐT-NT QG - Viện KHCN XD - Sở XD các địa phương	15,0
2.4	Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật xây dựng phòng và giảm nhẹ tác động của bão, lũ lụt ở khu vực ven biển miền Trung, Nam Bộ.  (Vụ KHCN&MT)	Bảo đảm an toàn cho người và công trình (nhà ở và công trình công cộng)	- Hướng dẫn xây dựng nhà và công trình trong vùng bão, lũ lụt; - Xây dựng thí điểm, đánh giá hiệu quả và phổ biến nhân rộng.	2014 2015	- Viện KHCN XD - Sở XD các địa phương	5,0
2.5	Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật cấp nước cho các đô thị, khu công nghiệp ... nằm ở các	Bảo đảm việc cấp nước hiệu quả cho	- Nghiên cứu các giải pháp cấp nước hiệu quả ở các đô thị, khu công nghiệp cho các vùng	2015 2016	- Cty CP nước và môi trường	5,0

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (tỷ đồng)
	vùng khô hạn, các vùng bị xâm nhập mặn do BĐKH và NBD (Cục HTKT)	sinh hoạt và đời sống ở các vùng khô hạn cũng như ngập úng	chịu ảnh hưởng trực tiếp của khô hạn, xâm nhập mặn do ảnh hưởng của BĐKH và NBD; - Xây dựng thí điểm.		VN - Sở XD, Công ty cấp nước các địa phương.	
2.6	Nâng cao điều kiện an toàn về nhà ở cho các hộ nghèo ở vùng thường xuyên bị thiên tai (lồng ghép với các chương trình về nhà ở đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) (Cục QLN & TTBS)	Bảo đảm an toàn cho các hộ nghèo ở vùng thường xuyên bị thiên tai	- Nghiên cứu, hướng dẫn các giải pháp kỹ thuật xây dựng, hỗ trợ người dân xây dựng nhà ở nhằm đảm bảo an toàn cho người và tài sản; - Tổ chức xây dựng thí điểm.	2014 2015	- Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản - Viện KHCN XD - Sở XD các địa phương	10,0 <sup>(*)</sup>
2.7	Đề án "Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, giai đoạn 2013-2020" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013. (Cục PT Đô thị)	PTĐT ứng phó với BĐKH.	- Xây dựng định hướng, kế hoạch PTĐT ứng phó với BĐKH; - Kế hoạch hành động cụ thể.	2014 2020	Cục PTĐT và Sở XD các tỉnh.	Theo Đề án được duyệt.
NV3	<b>Nghiên cứu các giải pháp giảm nhẹ BĐKH của ngành xây dựng</b>					
3.1	Nghiên cứu, triển khai các hoạt động xây dựng đô thị xanh, công trình xanh (CTX) (Vụ KHCN&MT)	Tiết kiệm năng lượng, nước, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính trong các công trình xây dựng; Phát triển đô thị bền vững	- Hướng dẫn quy hoạch phát triển đô thị xanh; - Hướng dẫn giải pháp xây dựng CTX; - Tổ chức đánh giá và công nhận CTX, đô thị xanh.	2014 2018	- Viện Kiến trúc QG - Hội MTXD VN - Sở XD các địa phương	20,0 <sup>(*)</sup>
3.2	Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp giảm phát thải CO <sub>2</sub> trong công nghiệp sản xuất xi măng, các vật liệu xây dựng (VLXD) khác (kính, gạch, ngói, tấm lợp...) (Vụ KHCN&MT, Vụ VLXD)	Giảm mức phát thải CO <sub>2</sub> trong công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng	- Điều tra, khảo sát các công nghệ sản xuất VLXD chủ yếu, xây dựng kế hoạch giảm phát thải khí CO <sub>2</sub> ; - Nghiên cứu các giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm hoặc thay thế sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất VLXD; - Tổ chức thử nghiệm	2014 2019	- Viện Vật liệu XD - Các doanh nghiệp sản xuất xi măng, thủy tinh, gốm sứ.	20,0

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (tỷ đồng)
			và chuyển giao công nghệ cho các nhà máy.			
3.3	Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng và sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo; tiết kiệm nước và tái sử dụng nước trong thiết kế nhà ở, công trình công cộng. (Vụ KHCN&MT)	Giảm tiêu hao năng lượng, tiết kiệm nước.. trong các công trình xây dựng.	- Xây dựng các tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước cho các công trình xây dựng; - Xây dựng thử nghiệm, nhân rộng các giải pháp kỹ thuật.	2016 2020	- Viện KHCN XD - Hội MTXD VN - Trường Đại học Kiến trúc HN - Hiệp Hội cấp thoát nước VN	5,0
3.4	Nghiên cứu mô hình quản lý chất thải sinh hoạt trong đô thị, nông thôn nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính (Cục HTKT)	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực đô thị, nông thôn	- Mô hình quản lý chất thải trong đô thị, nông thôn; xã hội hóa công tác quản lý chất thải; - Thí điểm mô hình quản lý chất thải.	2014 2016	- Hội MTXD VN - Sở XD các địa phương.	5,0 <sup>(*)</sup>
3.5	Nghiên cứu, phát triển các công nghệ phù hợp trong xử lý nước thải, rác thải khu vực đô thị, nông thôn. (Vụ KHCN&MT, Cục HTKT)	Bảo vệ môi trường đô thị, nông thôn; Giám phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính	- Nghiên cứu, phát triển các công nghệ phù hợp trong xử lý nước thải, rác thải khu vực đô thị, nông thôn; - Thiết kế, chế tạo các thiết bị công nghệ; Vận hành thử và nhân rộng.	2015 2020	- Các doanh nghiệp môi trường - Hội MTXD VN - Sở XD các địa phương	30,0 <sup>(*)</sup>
3.6	Nghiên cứu, phát triển vật liệu và sản phẩm xây dựng xanh (tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và giảm thiểu ô nhiễm môi trường) (Vụ KHCN&MT, Vụ VLXD)	Phát triển vật liệu và sản phẩm Xây dựng bền vững	- Nghiên cứu, phát triển vật liệu và sản phẩm xây dựng xanh (tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và giảm thiểu ô nhiễm môi trường). - Sản xuất thử nghiệm	2015 2020	- Các doanh nghiệp môi trường - Viện Vật liệu Xây dựng	30,0 <sup>(*)</sup>
NV4	<b>Cơ chế chính sách, đào tạo tập huấn về BDKH và NBD và tác động của nó đến ngành XD</b>					
4.1	Nghiên cứu, bổ sung các kịch bản BDKH và NBD liên quan đến ngành xây dựng (trên cơ sở các kịch bản BDKH ở Việt Nam). (Vụ KHCN&MT)	Kịch bản BDKH & NBD phù hợp với yêu cầu của ngành XD	- Cập nhật các kịch bản BDKH & NBD do Bộ TN&MT công bố; - Nghiên cứu bổ sung kịch bản BDKH cho ngành XD (các chỉ tiêu sử dụng riêng của	2013 2014	- Hội MTXD VN - Viện Khí tượng thủy văn và BDKH	4,0

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung	Thời gian	Đơn vị thực hiện	Kinh phí (tỷ đồng)
			ngành xây dựng).		(Bộ TNMT)	
4.2	Xây dựng các tài liệu tập huấn về BĐKH, các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ của ngành xây dựng cho cán bộ và viên chức trong ngành (Vụ KHCN&MT)	Nâng cao nhận thức về BĐKH & NBD cho cán bộ viên chức trong ngành	- Xây dựng các tài liệu tập huấn cho cán bộ viên chức ngành XD; - Tổ chức các lớp tập huấn cho các cán bộ quản lý, kỹ thuật của Bộ, sở Xây dựng các địa phương.	2013 2016	- Trường ĐH Kiến trúc HN - Hội MTXD VN.	3,0
4.3	Bổ sung vào giáo trình giảng dạy cho sinh viên các trường đại học chuyên ngành kiến trúc và xây dựng (kiến thức về khí hậu, thủy văn, môi trường; về BĐKH và các giải pháp ứng phó với BĐKH và NBD). (Vụ KHCN&MT)	Nâng cao kiến thức về khí hậu, BĐKH cho sinh viên các trường kiến trúc và xây dựng	- Bổ sung vào giáo trình hiện có, biên tập thêm các tài liệu chuyên khảo về BĐKH&NBD cho các trường đại học kiến trúc và xây dựng; - Bổ sung kiến thức về công trình xanh; - Thực tập về CTX, đô thị xanh.	2014 2015	- Trường ĐH Kiến trúc HN - Trường ĐH KT HCM và các Trường ĐHXD thuộc Bộ; - ĐH XD HN; - Hội MTXD VN	3,0
4.4	Thông tin, tuyên truyền về thiên tai, BĐKH và NBD, tác động của nó tới ngành XD. (Văn phòng BXD)	Nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai	- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng tới các cán bộ nhân viên của ngành.	2014 2016	- Trung tâm Thông tin - Các báo và tạp chí trong ngành XD	2,0
4.5	Xây dựng và triển khai kế hoạch thu hút các nguồn lực quốc tế hỗ trợ BXD triển khai các nhiệm vụ ứng phó với thiên tai, BĐKH và NBD. (Vụ KHTC)	Nguồn lực hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức quốc tế.	- Xây dựng kế hoạch thu hút nguồn lực từ chính phủ và các tổ chức quốc tế; - Tổ chức triển khai, hỗ trợ các nhiệm vụ trong Kế hoạch này.	2014 2016	- Vụ HTQT	0,5

Ghi chú:

(\*) Nội dung đã được ghi trong Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 – 2020 trong Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 30/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

(\*\*) Tên in đậm là đơn vị chủ trì.

(\*\*\*) Các Cục, Vụ và Văn phòng chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ.